UBND TỈNH HÀ TĨNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH

Số: 09/QĐ-KKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Ban hành chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 31/12/2021của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức, đơn vị cấp tỉnh năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh *(theo các biểu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Trưởng ban;
- Các Phó Trưởng ban;
- TT XTĐT &CƯ DV KKT;
- Chánh Văn phòng;
- Lưu VT, KHTH.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Hoàng Thanh Tùng

Biểu số 1

Đơn vị: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh
Chương: 505

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 09 /QĐ-KKT ngày 18/01/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Văn phòng Ban	Trung tâm XTĐT& CUDV
1	2	3	6	7
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**			
I	**Số thu phí, lệ phí**	**4.108,0**	**690,0**	**3.500,0**
1	***Lệ phí***	***469,0***	***545,5***	
	Lệ phí cấp giấy phép lao động	468,0	468,0	
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	1,0	1,0	
2	***Phí***	***3.639,0***	***144,5***	***3.500,0***
	Phí thẩm định hồ sơ thuê đất	30,0	40,0	
	Phí thẩm định hồ sơ quy hoạch	109,0	109,0	
	khẩu	3.500,0		3.500,0
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**740,1**	**110,1**	**630,0**
1	***Chi sự nghiệp***	***630,0***		***630,0***
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	630,0		630,0
2	***Chi quản lý hành chính***	***110,1***	***110,1***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	110,1	110,1	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**3.367,9**	**583,0**	**2.870,0**
1	***Lệ phí***	***469,0***	***545,5***	
a	Lệ phí cấp giấy phép lao động	468,0	468,0	
b	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	1,0	1,0	
2	***Phí***	***2.898,9***	***37,5***	***2.870,0***
a	Phí thẩm định hồ sơ thuê đất	18,0	18,0	
b	Phí thẩm định hồ sơ quy hoạch	10,9	10,9	
c	Phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa	2.870,0		2.870,0
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**16.413,4**	**11.968,0**	**3.691,0**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**15.659,0**	**11.968,0**	**3.691,0**
1	***Chi quản lý hành chính***	***11.968,0***	***11.968,0***	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.367,0	9.367,0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.601,0	2.601,0	
2	***Chi sự nghiệp***	***3.691,0***	***0,0***	***3.691,0***
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.332,0		*2.332,0*
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	*1.359,0*		*1.359,0*
II	**Nguồn vốn viện trợ**			
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**			